

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/06/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+BK5+BK6	7:25	10+4+8	0+0+0		7+4+11	0+0+0	CHUYEN 2 BK4-BK5
2		MRM+CTC1	7:25	13+8	0+0		11+11	0+0	
3		RC3+RP2	7:25	7+15	0+0		3+19	0+0	
4		RP2+BK6+P2	9:25	11+1+10	0+0+0		2+5+15	0+0+0	chuyen 1 rp2-p2
5		PVD8+RC3	9:25	20+0	0+0		20+2	0+0	
6		MRM+RC10	9:25	16+0+4	0+0+0		16+2+4	0+0+0	
7		P5+PBDA+P2	11:40	2+8+11	0+0+0		0+7+15	0+0+0	
8		PVD8+P6+TD3	11:40	21+0	0+0		13+5+4	0+0	
9		CTC1+RP2	11:40	3+17+1	0+0+0		2+20	0+0+0	

TTBBSX



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 17/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P2 - BK5 - BK6	CREW: NAM - ĐNAM - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1	VNHS FLIGHT: TM26/2667		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN KHẮC QUỐC	P2	52-53	2	9	1	7	71	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	62	1	8	2	37	69	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN DOãn HƯỜNG	P2	35	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ TRẦN MINH ĐẠT	P2						80	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ TẤN	P2	36	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	P2	37	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	01	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG ĐỨC LINH	P2	40-41	2	7			65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN CHÍ HƯỚNG	P2	38	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG KHẮC DƯƠNG	P2	42-43	2	12			78	STERLING	Vietnamese
11	TRẦN QUANG BÌNH	BK5	61	1	7	1	19	81	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN TRINH	BK5	63	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ HÙNG CƯỜNG	BK5	62	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
14	BÙI ĐỨC KHÁNH	BK5	64	1	8			53	PSV	Vietnamese
15	ĐẶNG MINH QUÂN	BK6	47	1	4	2	26	61	SGC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN DŨNG	BK6	74	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH HẢI (12514)	BK6	76-77	2	12			76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC THIẾP	BK6	75	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN THANH HOÀNG	BK6	99	1	15			68	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐOÀN NGỌC THƯỜNG	BK6	62	1	11			84	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ BÁ HÒA	BK6	72	1	16	1	14	75	KH-THAC	Vietnamese
22	HOÀNG NGỌC LAN	BK6	46	1	14			78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	10	716	12	69	3	44	7		
2	BK5	4	274	4	27	1	19	4+2		CHUYEN 2 PAX BK5-BK6
3	BK6	8	580	9	81	3	40	11		
TOTAL		22	1.570	25	177	7	103	22		
WEIGHT KG			1.570		177		103			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGUYỄN ĐỨC NAM





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 17/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: MRM - CTC1	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - NNAM	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/2670	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN HẢI HUNG	MRM	69	1	6	1	14	86	MINH MINH	Vietnamese
2	FAHREZA FARKHAN AKBAR	MRM	81	1	10	1	14	97	SCHLUMBERGER	Indonesian
3	TRINH VAN KIEN	MRM	83	1	8			63	DMC	Vietnamese
4	KOROTKOV VICTOR	MRM	70	1	9			129	AMHIP	Russian
5	TSVETKOV OLEG	MRM	75	1	14			114	AMHIP	Russian
6	BEKESHEV TROLBEK	MRM	78-79	2	18			75	AMHIP	Russian
7	MANAKOV DENIS	MRM	71-72	2	15			88	AMHIP	Russian
8	KARNIUKHIN VITALII	MRM	77	1	11			67	AMHIP	Russian
9	BULGANIN DANIL	MRM	74	1	12			100	AMHIP	Russian
10	BREZHNEV ARTEM	MRM	80	1	14			82	AMHIP	Russian
11	VANEEV ALEKSANDR	MRM	73	1	12			88	AMHIP	Russian
12	ZAKHARENKO VLADIMIR	MRM	76	1	10			92	AMHIP	Russian
13	PHAN ANH ĐỨC	CTC1	06	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN NGỌC VŨ LINH	CTC1	01	1	4			70	DK9	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN DŨNG	CTC1	02	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1	09-10	2	8			74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HUY CÔNG	CTC1	08	1	3			51	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM THẾ MẠNH	CTC1	07	1	3			79	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT HÙNG	CTC1	03	1	11			92	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	CTC1	04-05	2	14			107	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	12	1.081	14	139	2	28	11		
2	CTC1	8	599	10	53	0	0	11		
TOTAL		20	1.680	24	192	2	28	22		
WEIGHT KG			1.680		192		28			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 17/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
B.CARD: VANG - 1	TO: RC3 - RP2	CREW: HUNG - VTHANG - THU	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/2673	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ VĂN ĐỨC	RC3	72	1	6			63	SGC	Vietnamese
2	HOÀNG HỮU SƠN	RC3	74	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÀO VIỆT HẢI	RC3	78	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN KHANH	RC3	73	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THÀNH CÔNG	RC3				1	9	63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	75	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN HỌC	RC3	76-77	2	13			74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG HIẾU	RP2						82	D-HANH	Vietnamese
9	VŨ MẠNH HÀ	RP2	68	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN TÂN TÀI	RP2	78	1	2			70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN SÁCH ĐƠN	RP2	79	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN KIM CƯƠNG	RP2	73-74	2	11			64	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO MẠNH HUY	RP2	70	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯƠNG QUỐC VƯƠNG	RP2	80	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRƯỜNG THÀNH	RP2	69,71	2	8			74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN PHONG	RP2				4	70	67	KH-THAC	Vietnamese
17	OPARIN ALEKSEI	RP2	77	1	3			77	KH-THAC	Russian
18	NGUYỄN VIỆT MINH HOÀNG	RP2						84	ANTOAN	Vietnamese
19	NGÔ PHẠM THANH HUY	RP2	81-82	2	15			82	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM HOÀNG GIANG	RP2	83-84	2	20			83	KH-THAC	Vietnamese
21	VÔ TUẤN ANH	RP2	72	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
22	NGÔ TUẤN ANH	RP2	75-76	2	16			80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC3	7	481	7	41	1	9	3		
2	RP2	15	1.124	17	103	4	70	19		
TOTAL		22	1.605	24	144	5	79	22		
WEIGHT KG			1.605		144		79			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGÔ VĂN THẮNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 17/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: TRANG-2	TO: RP2 - BK6 - P2	CREW: NAM - ĐNAM - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/2668	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN TRÌNH	RP2	64	1	11			78	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ THIÊN ĐẠT	RP2	65	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
3	THÁI HỮU TÂM	RP2	63	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM QUANG LỢI	RP2	69	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ VĂN SÁNG	RP2	70	1	5	2	30	63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TÙNG	RP2	68	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG QUỐC MAI	RP2	62	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG HOÀNG LONG	RP2	61	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ DUY QUYỀN	RP2	66-67	2	18			65	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2						67	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	RP2						85	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN TRỌNG MINH	BK6	53	1	4			68	PSV	Vietnamese
13	ĐẶNG XUÂN SƠN	P2	60	1	11			84	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH TUẤN	P2						78	KH-THAC	Vietnamese
15	HÀ CHIẾN THẮNG	P2	59	1	8			81	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN ĐỒNG	P2	61	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐO XUAN SƠN	P2	63	1	7	4	75	75	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ HUY QUỲNH	P2						64	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ SỸ VANG	P2	62	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN NĂM	P2	58	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2						71	KH-THAC	Vietnamese
22	NGÔ TUẤN HÙNG	P2	57	1	5			54	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	11	785	10	63	2	30	2 + 1		CHUYEN 01 PAX TU RP2 - P2
2	BK6	1	68	1	4	0	0	5		
3	P2	10	712	7	49	4	75	15		
TOTAL		22	1.565	18	116	6	105	22		
WEIGHT KG			1.565		116		105			

GRAND TOAL: 1786 KGS

VSP REP

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGUYỄN ĐỨC NAM





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 17/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: PVD8 - RC3	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - NNAM	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/2671	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ VĂN NAM	PVD8	99	1	10	9	108	58	PVD LOGGING	Vietnamese
2	BÙI QUỐC THU	PVD8	93	1	9			70	PVD DD	Vietnamese
3	VŨ VĂN TRỌNG	PVD8	84	1	9			70	PVD DD	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN CƯỜNG	PVD8	94	1	9			66	PVD DD	Vietnamese
5	LÊ TÂN ĐẠT	PVD8	85	1	5			55	PVDO	Vietnamese
6	PHẠM TRỌNG HÙNG	PVD8	90	1	6			73	PVDO	Vietnamese
7	BÙI XUÂN KHOA	PVD8	95	1	10			58	PVDO	Vietnamese
8	LÊ HỒNG VƯƠNG	PVD8	98	1	7			69	PVDO	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU HOÀNG QUÂN	PVD8	89	1	2			60	PVDO	Vietnamese
10	TRẦN DUY LINH	PVD8	88	1	5			81	PVDO	Vietnamese
11	VO VĂN BÌNH	PVD8	80-81	2	13			69	PHUTHAICAT	Vietnamese
12	HOANG TRUONG NGUYEN	PVD8	82-83	2	14			68	PHUTHAICAT	Vietnamese
13	PHAN NHAT DANG	PVD8	78-79	2	15			69	PHUTHAICAT	Vietnamese
14	LE VAN LOC	PVD8	76	1	16			77	PHUTHAICAT	Vietnamese
15	NGUYEN DUY TAN	PVD8	77	1	14			64	PHUTHAICAT	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH HUỖNH	PVD8	100	1	7			86	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN CONG MINH	PVD8	86-87	2	7			65	HECO	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN THẮNG	PVD8	97	1	5			80	PSV	Vietnamese
19	MAI NGUYỄN THẾ PHONG	PVD8	91-92	2	12			85	PSV	Vietnamese
20	LÊ VĂN HIÊN	PVD8	96	1	5			74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	20	1.397	25	180	9	108	20		
2	RC3	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		20	1.397	25	180	9	108	22		
WEIGHT KG			1.397		180		108			

GRAND TOAL: 1.685 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 17/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
B.CARD: NAU-2	TO: MRM - RC10	CREW: HÙNG - VTHẮNG - THỤ	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/2674	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	SAVELEV NIKITA	MRM	86	1	16			103	AMHTP	Russian
2	PETEL SERGEI	MRM	92	1	11			86	AMHTP	Russian
3	TYSYACHNIK ALEXANDR	MRM	94-95	2	16			89	AMHTP	Russian
4	VASILII SEMENOV	MRM	89	1	12			85	AMHTP	Russian
5	ALEKSANDR BARILENKO	MRM	90	1	10			131	AMHTP	Russian
6	UVAISOV MAGOMED	MRM	400	1	10			78	AMHTP	Russian
7	ZHESTKOV ALEXEY	MRM	93	1	13			110	AMHTP	Russian
8	KUCHMII EGOR	MRM	91	1	14			116	AMHTP	Russian
9	STEPANOV OLEG	MRM	85	1	2			107	AMHTP	Russian
10	TRẦN MAI NGUYỄN PHƯỚC	MRM	87-88	2	14			97	XNK-SG	Vietnamese
11	LÝ NHẬT TRƯỜNG	MRM	96	1	15			73	DVL	Vietnamese
12	PHẠM TÙNG VỸ	MRM	98	1	10	1	13	65	DVL	Vietnamese
13	VŨ DUY CƯỜNG	MRM	97	1	15			92	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC THẠCH	MRM	43	1	6			57	D-HANH	Vietnamese
15	NGUYEN VAN THOI	MRM						68	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ CÔNG MINH HIẾU	RC10	68	1	7			99	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HÙNG	RC10	69	1	10	1	20	63	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THÀNH	RC10	70	1	8			59	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN CAO MONG	RC10	67	1	6			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	15	1.357	16	164	1	13	16		
2	RC10	4	280	4	31	1	20	4		
TOTAL		19	1.637	20	195	2	33	20		
WEIGHT KG			1.637		195		33			

GRAND TOAL: 1.865 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
NGÔ VĂN THẮNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 17/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: P5 - PBDA - P2	CREW: LINH - TTRUNG - TOAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/2669	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ TRỌNG TUYÊN	P5	68	1	18	1	20	61	CODIEN	Vietnamese
2	TRỊNH VĂN THỦY	P5	72	1	9			70	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN HOÀNG CẨM	PBDA	12	1	7	2	33	77	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG ĐÌNH QUÂN	PBDA	08	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG VŨ	PBDA				1	15	85	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	PBDA	85	1	12			71	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM NGUYỄN HẢI NINH	PBDA	13	1	4			84	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ TRƯỜNG GIANG	PBDA	700,01	2	16			65	DVL	Vietnamese
9	PHAN TRƯỜNG GIANG	PBDA	17,19	2	9			77	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PBDA	09	1	11			62	PSV	Vietnamese
11	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	49	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ CÔNG LƯU	P2	45	1	13			63	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN THANH HOÀN	P2	42	1	7			90	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯU ANH TUẤN	P2	36	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THANH HIỀN	P2	46	1	4			81	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN QUÝ TRUNG	P2	47	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG NGỌC TÂN	P2	48	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THOẠI	P2	43	1	5			61	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH ĐÀO	P2	40-41	2	10			74	DUY LINH	Vietnamese
20	TRẦN VĂN THUẬT	P2	52	1	7			95	DUY LINH	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH VIỆT	P2	50-51	2	17			65	DUY LINH	Vietnamese
22	NGUYEN XUAN THUY	P2	44	1	6			55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	2	131	2	27	1	20	0		
2	PBDA	8	591	9	67	3	48	7		
3	P2	12	846	14	91	0	0	15		
TOTAL		22	1.568	25	185	4	68	22		
WEIGHT KG			1.568		185		68			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN THÀNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 17/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
B.CARD: VANG-3	TO: PVD8 - P6 - TD3	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - THÀNH	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/2672	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DƯƠNG MẠNH QUYẾT	PVD8	66	1	12			82	PVDWS	Vietnamese
2	TRẦN TUẤN ANH	PVD8	01,65	2	15			78	PVDWS	Vietnamese
3	LÊ QUYẾT THẮNG	PVD8	84	1	9			72	PVDO	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN Á	PVD8	86-87	2	9			58	PVDO	Vietnamese
5	QUÁCH VĂN THẮNG	PVD8	89	1	6			72	PVDO	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN AN	PVD8	64	1	8			75	PVDO	Vietnamese
7	NGUYỄN VŨ QUANG ANH	PVD8	88	1	5			77	PVDO	Vietnamese
8	ĐẶNG BÁ HUY	PVD8	93	1	5			75	PVDO	Vietnamese
9	LƯƠNG THẾ PHÚC	PVD8	85	1	13			79	PVDO	Vietnamese
10	TRẦN XUÂN ANH	PVD8	83	1	5			60	PVDO	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	PVD8	82	1	7			72	PVDO	Vietnamese
12	PHẠM XUÂN SONG	PVD8	92	1	6			69	PVDO	Vietnamese
13	LÊ VĂN THANH 1982	PVD8	90	1	10			75	PVDO	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TÌNH	PVD8	700,99	2	15	1	11	70	CODIEN	Vietnamese
15	HỒ CHIẾN THẮNG	PVD8	96	1	11	1	6	57	CODIEN	Vietnamese
16	ĐINH MAI THIÊN	PVD8	97	1	12			72	CODIEN	Vietnamese
17	LƯU VĂN DÂN	PVD8	95	1	13			66	CODIEN	Vietnamese
18	NÔNG MINH HẢI	PVD8	98	1	15			74	CODIEN	Vietnamese
19	LE DINH THIN	PVD8	94	1	5			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	19	1.350	22	181	2	17	13		
2	P6	0	0	0	0	0	0	5		
3	TD3	0	0	0	0	3	50	4		
TOTAL		19	1.350	22	181	5	67	22		
WEIGHT KG			1.350		181		67			

GRAND TOAL: 1.598 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

ĐINH THỊ HOA

BUI HOÀNG DƯƠNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



GIỮ LỬA CHO TƯƠNG LAI

DATE: 17/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:20
B.CARD: CAM - 3	TO: CTC1 - RP2	CREW: HUNG - XTRƯỜNG - TÚ	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/2675	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN CHÍ THANH	CTC1	13	1	11	2	31	70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN HIẾU	CTC1	14-15	2	20			88	NIPI	Vietnamese
3	NGUYỄN THÀNH TRUNG	CTC1	11	1	7			76	PSV	Vietnamese
4	VU THANH TUNG	CTC1	12	1	10			58	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN QUÂN	RP2	91	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH VĂN QUÂN	RP2	94	1	11			60	KH-THAC	Vietnamese
7	BÙI VĂN MẠNH	RP2	75-76	2	17			72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	RP2	93	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
9	THÁI VĂN TUẤN	RP2	95	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	RP2	96	1	14			64	YTE	Vietnamese
11	LÊ VĂN LỘC	RP2	79-80	2	21			61	VŨ GIA	Vietnamese
12	TRẦN VĂN NGŨ	RP2	81-82	2	11			87	VŨ GIA	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH TIẾN	RP2	73	1	8	3	21	75	CODIEN	Vietnamese
14	LÊ NGUYỄN	RP2	77-78	2	20			79	NIPI	Vietnamese
15	VŨ ANH MINH	RP2	88-89	2	19			75	T-TIN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN VIỆT (1990)	RP2	97-98	2	8			70	PSV	Vietnamese
17	TRẦN MINH HUNG	RP2	200	1	14			87	PSV	Vietnamese
18	TRẦN TRỌNG QUÍ	RP2	99	1	5			66	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN LẬP	RP2	90	1	8			67	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HOÀI	RP2	92	1	8			57	PSV	Vietnamese
21	QUÁCH THÀNH ĐỘ	RP2	74,87	2	15			66	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTC1	4	292	5	48	2	31	2		
2	RP2	17	1.192	24	189	3	21	20		
TOTAL		21	1.484	29	237	5	52	22		
WEIGHT KG			1.484		237		52			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

LÊ QUÝ HUNG

HÀ XUÂN TRƯỜNG

